TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2018/HSST
Ngày: 22/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - TP. HỒ CHÍ MINH

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Huỳnh Hoàng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hạp Thị Thanh

2/ Ông Phan Trọng Bình

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - cán bộ Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 17/2018/HSST ngày 26 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/HSST-QĐXX ngày 08 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN MINH K**; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 39/29 Hoàng Bật Đạt, Phường 15 quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị L; Nhân thân: Ngày 24/12/2007 bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm tù về tội "Cướp giật tài sản"; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 07/3/2016 bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/10/2017.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Bị hại:

Chị Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1993

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã N, huyện M, tỉnh B;

Chỗ ở: 168 T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

(vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: chị Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 1997

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 93, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

(vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 30/10/2017 Nguyễn Minh K điều khiển xe gắn máy biển số 62L1-05005 chở Thương (chưa rõ lai lịch) đi qua nhiều tuyến đường tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, K phát hiện chị Lê Thị Ngọc L điều khiển xe gắn máy biển số 71B2-773.46 đi vào khu nhà trọ số 108 T, phường T, quận T, K dừng xe trước nhà trọ khoảng 10 phút thấy cửa nhà trọ vẫn mở nên K điều khiển xe gắn máy chạy vào khu nhà trọ và quan sát thấy xe chị L được để giữa bãi xe (tại đây để nhiều xe) rồi điều khiển xe hướng ra cổng, cách xe của chị L khoảng 1 mét, sau đó K đi bộ lại thấy xe của chị L không khóa cổ, đầu xe nghiêng bên phải, K dùng tay đẩy cổ xe nghiêng sang trái và sử dụng một thanh kim loại hình chữ L định mở khóa xe (có camera ghi hình) thì bị anh Tống Văn G phát hiện truy hô cùng quần chúng bắt giữ K giao công an phường xử lý, còn Thương chạy bộ tẩu thoát.

Tại Cơ quan điều tra K đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Theo Kết luận định giá tài sản số 330/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 17/11/2017 thì xe gắn máy hiệu Vision biển số 71B2-773.46 trị giá 28.000.000 đồng.

- Vật chứng:

+ Một (01) xe gắn máy hiệu Honda Vision biển số 71B2-77346 đã trả cho chị L;

+ Một (01) thanh sắt tự chế kích thước 15 cm x 7 cm hình chữ L, một đầu dẹp có quấn dây vải phần phía trong và một (01) thanh kim loại hình vuông kích thước 0,5 x 0,5 cm, dài 5 cm, hai đầu có gắn nam châm thu giữ của K dùng để trộm cắp tài sản;

+ Một (01) điện thoại di động hiệu Nokia 105; một (01) điện thoại di động hiệu Lenovo; một (01) điện thoại di động hiệu Oppo và một (01) bóp da màu nâu thu giữ của K;

+ Một (01) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Trúc M, K khai do Thương đưa giữ hộ. Qua xác minh được biết chị M sinh năm 1997 có hộ khẩu thường trú tại tổ 93, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị M khai bị mất chứng minh nhân dân trên cùng một số tài sản tại địa chỉ số 42/60/37 H, phường T, quận T và chưa trình báo Cơ quan Công an.

+ Một (01) đĩa CD-R ghi hình camera ghi lại hình ảnh K thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe gắn máy biển số 71B2-77346 (kèm theo hồ sơ vụ án).

+ Một (01) xe gắn máy hiệu Honda Click, K khai đây là xe máy của Thương nên không rõ nguồn gốc. Qua xác minh được biết biển số 62L1-05005 do anh Phan Hồng Đ ngụ tại ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh L đứng tên sở hữu và anh Đoàn hiện vẫn đang sử dụng xe có biên số trên. Tiến hành xác minh số khung RLHJF18098Y002632, số máy JF18F0079109 là của xe có biển số 54Y1-3920 do chị Vũ Thị Hoàng O ngụ tại 91/27/11, khu phố 2A, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12 đứng tên sở hữu. Ngày 23/01/2015 chị Oanh đã bán chiếc xe trên cho chị Nguyễn Kim C ngụ tại thôn 3, xã Cư Dliê Mnông, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk (có hợp đồng mua bán). Ngày 27/10/2017 chị Châu bị mất trộm xe tại dãy nhà trọ hẻm 05 Nguyễn Quý Anh, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và có trình báo Công an phường. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho chị Châu.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Minh K đã thừa nhận hành vi phạm tội và khai nhận như cáo trạng đã nêu.

Bản cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 22 tháng 01 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh K về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay cũng như xem xét các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Minh K về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đồng thời đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại – chị Lê Thị Ngọc L đã nhận lại tài sản và không có thắc mắc, yêu cầu gì nên không có gì để giải quyết.

Về vật chứng:

+ Một (01) thanh sắt tự chế kích thước 15 cm x 7 cm hình chử L, một đầu dẹp có quấn dây vải phần phía trong và một (01) thanh kim loại hình vuông kích thước 0,5 x 0,5 cm, dài 5 cm, hai đầu có gắn nam châm thu giữ của K dùng để

trộm cắp tài sản. Xét thấy đây là dụng cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy;

+ Một (01) điện thoại di động hiệu Nokia 105; một (01) điện thoại di động hiệu Lenovo; một (01) điện thoại di động hiệu Oppo và một (01) bóp da màu nâu thu giữ của K. Xét thấy đây là các tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo.

+ Một (01) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Trúc M, K khai do Thương đưa giữ hộ. Qua xác minh được biết chị M sinh năm 1997 có hộ khẩu thường trú tại tổ 93, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị M khai bị mất chứng minh nhân dân trên cùng một số tài sản tại địa chỉ số 42/60/37 H, phường T, quận T và chưa trình báo Cơ quan Công an. Xét thấy đây là giấy tờ cá nhân của chị M nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho chị M;

+ Một (01) dĩa CD-R ghi hình camera ghi lại hình ảnh K thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe gắn máy biển số 71B2-77346 (kèm theo hồ sơ vụ án) là vật chứng của vụ án nên lưu vào hồ sơ vụ án;

Bị cáo Nguyễn Minh K nói lời sau cùng: Bị cáo hối hận về việc làm của mình, mong Hội đồng xét xử xét xử một mức án nhẹ để bị cáo có cơ hội sửa sai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với bản kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của người bị hại, người làm chứng, cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Minh K đã có hành vi lén lút dùng một đoản tự chế để bẻ khóa nhằm mục đích chiếm đoạt một xe gắn máy hiệu Honda Vision qua định giá có giá trị 28.000.000 đồng của chị Lê Thị Ngọc L tuy nhiên chưa chiếm đoạt được tài sản đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" thuộc trường hợp "phạm tội chưa đạt", tội danh và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó vừa trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản hợp pháp của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo hộ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác bị pháp luật ngăn cấm và bị trừng trị nhưng do động cơ tham lam, muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm một cách liều lĩnh, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Xét nhân thân của bị cáo là rất xấu, nhiều lần bị kết án về các hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo có thái độ coi thường pháp luật. Ngoài ra bị cáo có một tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội, lần phạm tội này được xác định là "tái phạm", là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm mục đích giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xét các tình tiết: Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi lại trả cho người bị hại đầy đủ nên chưa gây ra thiệt hại, tại cơ quan điều tra và trước phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại là chị Lê Thị Ngọc L vắng mặt nhưng căn cứ vào hồ sơ vụ án xét thấy bị hại đã nhận lại tài sản và không còn có yêu cầu, thắc mắc, khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không có gì phải giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng:

+ Một (01) thanh sắt tự chế kích thước 15 cm x 7 cm hình chữ L, một đầu dẹp có quấn dây vải phần phía trong và một (01) thanh kim loại hình vuông kích thước 0,5 x 0,5 cm, dài 5 cm, hai đầu có gắn nam châm thu giữ của K dùng để trộm cắp tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy đây là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy;

+ Một (01) điện thoại di động hiệu Nokia 105; một (01) điện thoại di động hiệu Lenovo; một (01) điện thoại di động hiệu Oppo và một (01) bóp da màu nâu thu giữ của K. Hội đồng xét xử xét thấy đây là các tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

+ Một (01) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Trúc M, K khai do Thương đưa giữ hộ. Qua xác minh được biết chị M sinh năm 1997 có hộ khẩu thường trú tại tổ 93, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị M khai

bị mất chứng minh nhân dân trên cùng một số tài sản tại địa chỉ số 42/60/37 H, phường T, quận T và chưa trình báo Cơ quan Công an. Hội đồng xét xử xét thấy đây là giấy tờ cá nhân của chị M nên trả lại cho chị M;

+ Một (01) dĩa CD-R ghi hình camera ghi lại hình ảnh K thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe gắn máy biển số 71B2-77346 (kèm theo hồ sơ vụ án) là vật chứng của vụ án nên lưu vào hồ sơ vụ án;

[6] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại Khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng", do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và phạm tội ít nghiêm trọng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh K phạm tội "Trộm cắp tài sản" (phạm tội chưa đạt)

Áp dụng Khoản 1 Điều 138, Điều 15 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 38, điểm h, s Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt:

Nguyễn Minh K 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày 30/10/2017.

Miễn khoản tiền phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Tịch thu tiêu hủy một (01) thanh sắt tự chế kích thước 15 cm x 7 cm hình chữ L, một đầu dẹp có quấn dây vải phần phía trong và một (01) thanh kim loại hình vuông kích thước 0,5 x 0,5 cm, dài 5 cm, hai đầu có gắn nam châm;

Trả lại cho bị cáo Một (01) điện thoại di động hiệu Nokia 105; một (01) điện thoại di động hiệu Lenovo; một (01) điện thoại di động hiệu Oppo và một (01) bóp da màu nâu;

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Trúc M một chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Trúc M, số 025542351 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/10/2011

Lưu vào hồ sơ vụ án một đĩa CD-R ghi lại hình ảnh bị cáo Nguyễn Minh K thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision biển số 71B2-77346;

(Tình trạng vật chứng theo Phiếu nhập kho vật chứng số 376/PNK ngày 01/11/2017 của Công an quận Tân Phú)

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo; Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt, niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Công an Q. Tân Phú;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng PC27 CATP. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Huỳnh Hoàng Phương